

**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT BTV**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT BTV

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BTV EQUIPMENT AND TECHNICAL SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108536477

**3. Ngày thành lập:** 04/12/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4 - Tòa nhà Times Tower, Số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948359679

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                        | 2610     |
| 2.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                         | 2620     |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                | 2640     |
| 4.  | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                    | 2651     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                            | 2670     |
| 6.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                    | 2630     |
| 7.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                       | 2790     |
| 8.  | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa phân vào đâu                                                        | 2829     |
| 9.  | Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí                                                                                                           | 3012     |
| 10. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                        | 3312     |
| 11. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                            | 3313     |
| 12. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                            | 3314     |
| 13. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                            | 3319     |
| 14. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                           | 3320     |
| 15. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (trừ môi giới bất động sản, bảo hiểm, chứng khoán) | 4610     |
| 16. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                               | 4651     |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                | 4652     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                     | 4659        |
| 19. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6202        |
| 20. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7020        |
| 21. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động đo đạc bản đồ; Hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7110(Chính) |
| 22. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7212        |
| 23. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7420        |
| 24. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7490        |
| 25. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển; Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu | 7730        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                             | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐẶNG XUÂN THỦY  | Tổ 12, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                               | 200.000.000           | 20,000    | 033082005204                                                                                                                                      |         |
| 2   | PHẠM THÀNH VIỆT | Số 1, Khu Tập thể H26 Bộ Công an, tổ dân phố Phú Hà, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 200.000.000           | 20,000    | 025080000056                                                                                                                                      |         |
| 3   | LƯU HẢI BĂNG    | Tổ 31, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                                       | 300.000.000           | 30,000    | 034081005407                                                                                                                                      |         |

|   |                    |                                                                                                                     |             |        |           |  |
|---|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|-----------|--|
| 4 | ĐOÀN LAN<br>PHƯƠNG | Phòng 406 – tập thể<br>Bộ Giáo dục, Tổ 27,<br>Phường Láng<br>Thượng, Quận Đống<br>Đa, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | 300.000.000 | 30,000 | 011904729 |  |
|---|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|-----------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯU HẢI BĂNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *23/03/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *034081005407*

Ngày cấp: *21/10/2016*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 31, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P314 Cầu thang 4-A25 Tập thể Nghĩa Tân, 385 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội